TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI HÀ NỘI – CÔNG TY CỔ PHẦN
Địa chỉ: Số 38-40 Lê Thái Tổ, P. Hàng Trống, Q. Hoàn Kiếm , Tp. Hà Nội
Tel: (84-24) 3826 7984 Fax: (84-24) 3826 7983
Mã số doanh nghiệp: 0100101273 Website: www.haprogroup.vn

CHƯƠNG TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2022

Thời gian: 08h00 ngày 06 tháng 05 năm 2022
Địa điểm: Hội trường tầng 7, số 38-40 Lê Thái Tổ, P. Hàng Trống, Q. Hoàn Kiếm, Hà Nội

THỜI GIAN	NỘI DUNG
08h00 – 08h30	- Đón tiếp khách mời, đại biểu - Kiểm tra tư cách cổ đông, đăng ký cổ đông dự họp, phát tài liệu
08h30 – 08h45	- Báo cáo kết quả kiểm tra tư cách cổ đông. - Chào cờ, tuyên bố lý do tổ chức Đại hội và giới thiệu đại biểu tham dự.
08h45 – 08h55	- Thông qua Đoàn Chủ tịch, Ban Thư ký, Ban kiểm phiếu biểu quyết và bầu cử. - Thông qua Chương trình Đại hội và Quy chế làm việc của Đại hội.
08h55 – 09h05	Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty năm 2021, kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2022
09h05 – 09h10	Báo cáo tài chính được kiểm toán năm 2021
09h10 – 09h20	Báo cáo quản trị và hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2021, kế hoạch hoạt động của HĐQT năm 2022
09h20 – 09h30	Báo cáo hoạt động của Ban Kiểm soát năm 2021, kế hoạch hoạt động năm 2022
09h30 – 09h45	- Tờ trình thông qua thù lao HĐQT, BKS năm 2021 và dự toán thù lao cho HĐQT, BKS năm 2022. - Tờ trình phân phối lợi nhuận năm 2021. - Tờ trình về lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2022. - Tờ trình miễn nhiệm và bầu bổ sung thành viên HĐQT cho thời gian còn lại của nhiệm kỳ 2018-2023 - Các nội dung khác thuộc thẩm quyền ĐHĐCĐ (nếu có)
09h45 – 10h00	Tổ chức bầu bổ sung thành viên HĐQT cho thời gian còn lại của nhiệm kỳ 2018-2023: - Thông qua Thể lệ bầu cử - Giới thiệu danh sách đề cử, ứng cử bầu thành viên HĐQT - Hướng dẫn và tổ chức bầu cử
10h00 – 10h30	Thảo luận và biểu quyết thông qua nội dung các tờ trình đã trình bày tại Đại hội
10h30 – 10h45	Nghỉ giải lao
10h45 – 10h50	Công bố kết quả bầu cử
10h50 – 10h55	Thông qua Biên bản và Nghị quyết Đại hội
10h55 – 11h00	Tuyên bố bế mạc Đại hội

(*) Nội dung chương trình Đại hội có thể thay đổi và sẽ được thông qua tại Đại hội.

BAN TỔ CHỨC ĐẠI HỘI

TỔNG CÔNG TY
THƯƠNG MẠI HÀ NỘI – CTCP

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 14 tháng 4 năm 2022

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2021, phương hướng nhiệm vụ năm 2022 của Tổng công ty Thương mại Hà Nội – CTCP

Kính thưa: Đại hội đồng cổ đông Tổng công ty Thương mại Hà Nội – CTCP

Tôi xin thay mặt Ban Tổng Giám đốc báo cáo với Quý vị cổ đông về kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty Thương mại Hà Nội – CTCP ("**Tổng công ty/Hapro**") năm 2021 và kế hoạch kinh doanh năm 2022 như sau:

I. TÌNH HÌNH CHUNG:

Thực hiện chỉ đạo của ĐHĐCĐ trong phiên đại hội thường niên năm 2021 của Tổng công ty Thương mại Hà Nội – CTCP tổ chức ngày 07/05/2021, Tổng công ty đã tích cực đẩy mạnh hoạt động sản xuất kinh doanh với những ngành nghề cốt lõi là Xuất khẩu nông sản và thương mại nội địa. Tuy nhiên, do ảnh hưởng của đại dịch Covid trên toàn thế giới, hoạt động kinh doanh xuất khẩu gần như đình trệ, doanh thu cho mảng này sụt giảm nghiêm trọng. Tổng công ty tiếp tục tập trung vào hoạt động thương mại trong nước và khai thác hạ tầng thương mại, vượt qua khó khăn, Hapro cũng đã đạt được những kết quả nhất định cho năm tài chính 2021 như sau:

II. KẾT QUẢ SXKD NĂM 2021:

1. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu kinh tế năm 2021:

TT	Các chỉ tiêu chính	Thực hiện 2020	Kế hoạch năm 2021	Thực hiện năm 2021	So sánh (%)	
					KH 2021	2020
1	Kim ngạch XK *(triệu USD)*	**25,21**	**33,20**	**10,44**	31%	41%
2	Doanh thu bán hàng và CCDV *(tỷ đồng)*	**906**	**1.109,68**	**539**	49%	59%
3	Lợi nhuận trước thuế *(tỷ đồng)*	**12,22**	**38,45**	**1,99**	5%	16%
4	Tổng số lao động thời điểm 31/12/2021	**436,00**	**445,00**	**413,00**	93%	95%
5	Thu nhập bình quân *(triệu đồng/người/tháng)*	**9,96**	**11,25**	**9,27**	82%	93%

2. Đánh giá về các mảng hoạt động kinh doanh chính:

2.1. Về kinh doanh xuất khẩu:

Sau cổ phần hóa, Tổng công ty tiếp tục kiên định với mục tiêu mảng kinh doanh xuất khẩu là mảng then chốt trong hoạt động SXKD. Tuy nhiên, do ảnh hưởng của đại dịch Covid trên toàn cầu nên kim ngạch Xuất khẩu của Tổng công ty trong năm 2021 sụt giảm nghiêm trọng so với năm 2020, chính vì vậy mà kim ngạch xuất khẩu và kết quả kinh doanh mảng này và không đạt kế hoạch đề ra.

- Kim ngạch XK: Năm 2021, kim ngạch xuất khẩu của Công ty mẹ Tổng công ty chỉ đạt **10,44 triệu USD** với 8.426,95 tấn hàng hóa các loại tương ứng với gần 274 cont 20'. Các mặt hàng xuất khẩu chính gồm: hạt điều, hạt tiêu, gạo, cà phê, thực phẩm chế biến vẫn đóng vai trò chủ lực.

- Thị trường xuất khẩu chính: Hapro đã và đang khẳng định thương hiệu mạnh tại gần 80 quốc gia và vùng lãnh thổ trên thế giới, tập trung tại một số khu vực như: Châu Âu, châu Mỹ, khu vực Trung Đông; Châu Phi, Đông Nam Á, Tây Á..., góp phần tăng trưởng kim ngạch xuất khẩu.

Tổng công ty nhận định tình hình kinh tế thế giới còn tiếp tục khó khăn do dịch Covid-19, tuy nhiên có thể sẽ diễn biến tích cực từ quý 2 năm 2022 trở đi. Theo đó, sẽ tác động tích cực tới hoạt động xuất khẩu trên toàn thế giới, trong đó có Việt Nam. Trong bối cảnh như vậy, để vượt lên thách thức và đón đầu các cơ hội phục hồi hậu Covid, Ban Lãnh đạo Hapro nhận định là trong "nguy" luôn có "cơ". Tổng công ty đã và đang nỗ lực tốt nhất để ứng phó nhằm thực hiện "nhiệm vụ kép" vừa phòng chống dịch hiệu quả, vừa đảm bảo sản xuất kinh doanh an toàn, tái cơ cấu và đẩy mạnh hoạt động xuất khẩu theo hướng tinh giản, nâng hiệu quả và đảm bảo tuyệt đối an toàn nguồn vốn, cụ thể:

- Mở rộng thị trường, phát triển thêm các mặt hàng xuất khẩu mới.
- Khai thác tốt các lợi ích đem lại từ những Hiệp định thương mại tự do thế hệ mới như CPTPP, EVFTA
- Tích cực tham gia giao thương trực tuyến nhằm tìm kiếm khách hàng, mở rộng thị trường trong giai đoạn còn hạn chế việc đi lại giữa các quốc gia do covid 19.
- Về lâu dài, khi dịch covid được kiểm soát, tiếp tục ưu tiên hoạt động xúc tiến xuất khẩu trực tiếp thông qua việc tham gia các Hội chợ chuyên ngành Nông sản thực phẩm, thủ công mỹ nghệ…quốc tế.
- Thường xuyên nắm bắt thông tin thị trường và cảnh báo sớm các vấn đề phát sinh ảnh hưởng tới hoạt động xuất khẩu như chính sách của nước nhập khẩu, các rào cản kỹ thuật, rủi ro thanh toán….;

2.2. Về kinh doanh và phát triển thị trường nội địa:

- Ngay từ những tháng đầu năm 2021, Tổng công ty đã tập trung xây dựng chương trình kinh doanh phục vụ Lễ Noel, Tết Dương lịch và Tết Nguyên Đán Nhâm Dần 2022 một cách đồng bộ với các hoạt động kinh doanh đã được duy trì thực hiện qua nhiều năm đồng thời triển khai thêm một số hoạt động kinh doanh mới phù hợp với nhu cầu thị trường cũng như định hướng của Tổng công ty. Chương trình đã tận dụng được cơ hội thúc đẩy kinh doanh, góp phần phục vụ nhân dân đón Tết an toàn, lành mạnh, đảm bảo an toàn tuyệt đối về người, hàng hóa, cơ sở vật chất, tạo điều kiện quảng bá sản phẩm, hình ảnh thương hiệu của Tổng công ty, các công ty thành viên trong Tổng công ty.

**** Công tác dự trữ hàng hóa và tham gia bình ổn giá:*** Năm 2021 mặc dù không có chương trình hỗ trợ vốn vay ưu đãi cho chương trình Bình ổn giá, Tổng công ty vẫn chủ động đăng ký tham gia dự trữ hàng hóa bằng nguồn vốn huy động và nguồn vốn tự có của doanh nghiệp để dự trữ hàng hóa phục vụ công tác cứu trợ, bão lũ và phục vụ công tác bình ổn giá với tổng giá trị gần 800 **tỷ đồng**.

**** Phát triển và nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh thương mại nội địa:***

- Tổng công ty tích cực tiến hành cơ cấu, căn chỉnh hệ thống hình ảnh và nhận diện các địa điểm bán lẻ Haprofood/BRGMart và đẩy mạnh công tác tái cơ cấu, đổi mới phương thức quản lý đối với hoạt động của hệ thống mạng lưới kinh doanh thương mại nội địa.

- Trước diễn biến phức tạp của dịch bệnh Covid-19, chuỗi siêu thị/cửa hàng thuộc chuỗi Haprofood/BRGMart đã chủ động triển khai hàng loạt hoạt động thể hiện trách nhiệm của một doanh nghiệp kinh tế, thương mại lớn của Thủ đô trong việc đảm bảo an sinh xã hội và trách nhiệm với cộng đồng. Điển hình như chương trình chung tay hỗ trợ nông dân tiêu thụ dưa hấu gặp khó khăn về đầu ra sản phẩm; kế hoạch dự trữ và chung tay cùng chính quyền các địa phương cung ứng đầy đủ các sản phẩm hàng hóa thiết yếu tới người dân với mức giá bình ổn; khẩn trương mở các điểm bán hàng lưu động bán các mặt hàng tiêu dùng thiết yếu phục vụ người dân khu vực bị cách ly...

III. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN MỘT SỐ MẶT CÔNG TÁC TRONG NĂM 2021:

1. Công tác đối ngoại, xúc tiến thương mại :

❖ *Công tác phát triển thị trường trong nước:*

- Tiếp tục duy trì mối quan hệ với các Bộ ngành, các đối tác, Hội – Hiệp hội, các tổ chức XTTM trong nước mà Tổng công ty là thành viên hoặc có mối quan hệ hợp tác trong những năm vừa qua.
- Tham dự 1 số hội thảo, giao thương trực tiếp và trực tuyến liên quan đến việc đẩy mạnh tiêu thụ các mặt hàng nông sản thực phẩm, sản phẩm OCOP của 1 số tỉnh thành như Bắc Giang, Lạng Sơn, Đồng Tháp…
- Kết nối 1 số nhà cung cấp hàng thực phẩm, tiêu dùng trong và ngoài nước qua mối quan hệ của TCT cho Công ty BRG Retail. Tuy nhiên, việc hợp tác giữa nhà cung cấp và công ty BRG Retail vẫn mới dừng lại ở việc trao đổi thông tin, tìm hiểu sản phẩm, chưa đi đến ký kết hợp đồng.

❖ *Công tác phát triển thị trường nước ngoài:*

- Thường xuyên duy trì và phát triển các mối quan hệ tốt với các cơ quan, tổ chức XTTM trong nước và nước ngoài, các tổ chức quốc tế, các cơ quan ĐSQ nước ngoài tại VN, các cơ quan đại diện VN tại nước ngoài.
- Do ảnh hưởng nặng nề của dịch covid-19, việc tham dự các chương trình Hội chợ triển lãm, xúc tiến thương mại, thăm hỏi khách hàng, giao thương trực tiếp… tại các nước hoàn toàn bị ngưng trệ
- Thay vào đó, Tổng công ty đã tích cực tham dự các chương trình Hội nghị hội thảo, giao thương, triển lãm trực tuyến, mặc dù hiệu quả không bằng hình thức trực tiếp, tuy nhiên hoạt động này giúp duy trì việc quảng bá hình ảnh, thương hiệu, các mặt hàng xuất khẩu thế mạnh của Tổng công ty, cập nhật thông tin, nhu cầu thị trường, thắt chặt mối quan hệ giữa Tổng công ty và các cơ quan ĐSQ, Thương vụ, các tổ chức XTTM trong nước và nước ngoài...như: Diễn đàn DN và giao thương với các doanh nghiệp Pháp, Ý, Hà Lan, Algeria, Venezuela, Colombia, Nhật Bản, Hàn Quốc, Hongkong…; Hội nghị về thực phẩm Halal do Bộ ngoại giao tổ chức, Diễn đàn kinh tế Á – Âu tận dụng hiệp định EVFTA do Bộ công thương tổ chức v.v; Tham dự triển lãm trực tuyến tại Algeria theo lời mời của Thương vụ VN tại Algeria: Triển lãm về các sản phẩm nông nghiệp (từ tháng 1-3/2021), triển lãm các sản phẩm gia vị (tháng 1-tháng 4/2021)
- Tham gia gian hàng Thương hiệu quốc gia bên lề Hội nghị ngoại vụ và Hội nghị ngoại giao 2021 tại Trụ sở Bộ ngoại giao nhằm quảng bá thương hiệu, hình ảnh, giới thiệu

các mặt hàng XK chủ lực đến các cơ quan đại diện VN tại nước ngoài, cũng như các đoàn Ngoại giao tại VN.

- Đón tiếp và làm việc với 1 số ĐS, Tham tán Việt Nam tại nước ngoài đến làm việc tại Tổng công ty nhằm tìm hiểu Tổng công ty và các cơ hội kết nối tiềm năng với các DN tại nước sở tại như: ĐS VN tại Ý, ĐS/Tham tán VN tại UAE, ĐS VN tại New Zealand, Indonesia….;

3. Công tác quản trị thương hiệu và Marketing:

- Tổng công ty đã và đang tiếp tục xây dựng mô hình văn hóa doanh nghiệp mang bản sắc riêng; định hướng hành động theo tôn chỉ hành động của từng năm, phát huy giá trị thương hiệu BRG/Hapro là thương hiệu xuất khẩu quốc tế hàng đầu tại khu vực; thương hiệu bán lẻ uy tín nằm trong hệ sinh thái BRG.

- Nâng cao tính chuyên nghiệp trong chuẩn hóa và nhận diện thương hiệu của Tổng công ty và của các công ty thành viên, đơn vị trực thuộc Tổng công ty, theo định hướng chung của Tập đoàn.

- Tích cực đưa các ứng dụng hiện đại của công nghệ, internet, mạng xã hội vào hoạt động thương hiệu, truyền thông, marketing.

Các giải thưởng thương hiệu đã đạt được năm 2021 nâng tầm thương hiệu Hapro:

- 06 lần (tương đương 12 năm) liên tiếp đạt "Thương hiệu quốc gia"
- Được vinh danh "Top 500 Doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam – VNR500"
- Được công nhận là "Doanh nghiệp xuất khẩu uy tín"
- Tự hào được vinh danh "Top 10 Công ty uy tín ngành bán lẻ Việt Nam"
- Được bình chọn "Hàng Việt Nam được người tiêu dùng yêu thích" đối với sản phẩm Gạo Đồng Vàng của chi nhánh Hapro Đồng Tháp .

4. Công tác đầu tư và quản lý hạ tầng thương mại:

- Rà soát, phân loại, xây dựng phương án SXKD, hoàn thiện các thủ tục pháp lý gắn với từng địa điểm; đồng thời nghiên cứu và đề xuất phương án xử lý, khai thác mới đối với các địa điểm khai thác chưa có hiệu quả.

- Tiếp tục thực hiện công tác chuẩn bị đầu tư, thực hiện đầu tư một số dự án của Tổng công ty đồng thời rà soát lại một số các dự án dở dang để xây dựng phương án tiếp tục đầu tư sau cổ phần hóa Tổng công ty.

IV. PHƯƠNG HƯỚNG NHIỆM VỤ TRONG NĂM 2022:

1. Đánh giá và nhận định tình hình của Tổng công ty cổ phần năm 2022:

Năm 2022, Công ty mẹ - Tổng công ty sẽ cần tập trung toàn lực vào việc phát triển sản xuất kinh doanh, lấy mục tiêu lợi nhuận làm trọng tâm. Do đó, các đơn vị phải xác định mục tiêu, nhiệm vụ cụ thể của đơn vị, khai thác tối đa tiềm năng để đảm bảo hoàn thành các mục tiêu đề ra.

2. Những nhiệm vụ trọng tâm năm 2022

2.1. Giao kế hoạch Ngân sách, kế hoạch SXKD năm 2022 theo phương thức xây dựng kế hoạch một cách chi tiết, cho từng bộ phận, từng đơn vị, từng địa điểm kinh doanh, từng ngành hàng hoặc lĩnh vực kinh doanh cụ thể và năm 2022 kết quả KD chung của toàn Tổng công ty có sự bứt phá với trọng tâm là chỉ tiêu lợi nhuận.

2.2. Thực hiện triệt để, kiên quyết các chỉ thị, định hướng và chỉ đạo của Hội đồng quản trị Tổng Công ty.

2.3. Thúc đẩy các hoạt động kinh doanh thương mại nội địa:

- Tiếp tục xây dựng và triển khai phương án đổi mới hoạt động kinh doanh thương mại bán lẻ, thực hiện tái cơ cấu hệ thống. Căn chỉnh hệ thống hình ảnh và nhận diện các địa điểm bán lẻ của Tổng công ty, quan tâm đến việc phát triển mảng kinh doanh online.

- Tập trung triển khai kinh doanh dịp Lễ Noel, Tết Dương lịch và Tết Nguyên đán Quý Mão 2023: đối với các đơn vị kinh doanh thương mại nội địa xây dựng kế hoạch chi tiết về bộ sản phẩm phục vụ, kế hoạch doanh thu và phương án triển khai các chương trình Marketing, khuyến mại quảng bá thương hiệu... nhằm tận dụng tối đa cơ hội kinh doanh.

2.4. Tăng cường và thúc đẩy xuất khẩu:

- Tiếp tục thực hiện các giải pháp để tạo sự bứt phá mạnh mẽ cho mảng kinh doanh xuất khẩu: nâng cao kim ngạch xuất khẩu, mở rộng thị trường, phát triển thêm các mặt hàng xuất khẩu mới, nâng hiệu quả lợi nhuận xuất khẩu và đảm bảo tuyệt đối an toàn nguồn vốn.

- Tiếp tục đẩy mạnh các chương trình XTTM với đối tác trong nước và ngoài nước để thúc đẩy kinh doanh đặc biệt là kinh doanh xuất khẩu.

2.5. Rà soát để trình Hội đồng quản trị thông qua phương án tái cơ cấu các khoản đầu tư tài chính của Tổng Công ty.

2.6. Làm tốt công tác quản lý mạng lưới hạ tầng thương mại để nâng cao hiệu quả khai thác cho Tổng công ty

2.7. Tận thu các nguồn lực tài chính nhằm nâng hiệu quả cho Tổng công ty;

3. Phấn đấu hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch SXKD năm 2022:

- Doanh thu BH&CCDV : 821,7 tỷ đồng
- Kim ngạch XK : 17,22 triệu USD
- Lợi nhuận trước thuế : 29,94 tỷ đồng.

Ban Tổng giám đốc Tổng công ty Thương mại Hà Nội - CTCP kính báo cáo và xin ý kiến tham gia đóng góp của Quý vị cổ đông.

Xin trân trọng cảm ơn.

TM. BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
TỔNG GIÁM ĐỐC

M.S.D.N:0100101273-C.T.C.P
TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI HÀ NỘI - CÔNG TY CỔ PHẦN
Q.HOÀN KIẾM - TP.HÀ NỘI

Vũ Thanh Sơn

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

Mẫu số B 01 – DN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2021	01/01/2021
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	**100**		**1.035.200.992.639**	**1.148.707.175.458**
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	**110**	**5.1**	**43.867.062.537**	**15.698.280.983**
1. Tiền	111		30.381.889.456	15.230.263.773
2. Các khoản tương đương tiền	112		13.485.173.081	468.017.210
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	**120**		**-**	**151.000.000.000**
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5.13	-	151.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	**130**		**947.946.687.448**	**915.950.730.519**
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.2	260.213.915.061	268.038.485.823
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.3	346.404.900.860	364.194.838.876
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	5.5	246.674.226.362	183.674.226.362
4. Các khoản phải thu khác	136	5.4	96.849.593.572	102.054.791.237
5. Dự phòng phải thu khó đòi	137	5.7	(2.195.948.407)	(2.011.611.779)
IV. Hàng tồn kho	**140**	**5.6**	**17.090.383.817**	**38.896.654.092**
1. Hàng tồn kho	141		17.090.383.817	38.896.654.092
V. Tài sản ngắn hạn khác	**150**		**26.296.858.837**	**27.161.509.864**
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.10	13.667.351.269	14.007.433.245
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		12.030.255.716	12.585.319.341
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	5.16	599.251.852	568.757.278
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	**200**		**1.902.321.193.348**	**1.854.074.331.789**
I. Các khoản phải thu dài hạn	**210**		**10.251.150.311**	**10.291.321.511**
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211	5.2	9.106.923.446	9.159.494.646
2. Phải thu dài hạn khác	216	5.4	1.144.226.865	1.131.826.865

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG **Mẫu số B 01a – DN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

(tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2021	01/01/2021
II. Tài sản cố định	**220**		**565.249.977.285**	**550.928.468.672**
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.8	518.699.726.287	504.052.549.870
- Nguyên giá	*222*		*733.805.848.371*	*700.261.759.658*
- Giá trị hao mòn lũy kế	*223*		*(215.106.122.084)*	*(196.209.209.788)*
2. Tài sản cố định vô hình	227	5.9	46.550.250.998	46.875.918.802
- Nguyên giá	*228*		*49.097.296.011*	*49.097.296.011*
- Giá trị hao mòn lũy kế	*229*		*(2.547.045.013)*	*(2.221.377.209)*
III. Bất động sản đầu tư	**230**	**5.11**	**105.527.918.731**	**109.201.754.263**
- Nguyên giá	*231*		*131.527.016.822*	*131.527.016.822*
- Giá trị hao mòn lũy kế	*232*		*(25.999.098.091)*	*(22.325.262.559)*
IV. Tài sản dở dang dài hạn	**240**		**715.745.544.652**	**708.863.781.383**
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241	5.12	466.315.603.794	462.822.951.772
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	5.12	249.429.940.858	246.040.829.611
V. Đầu tư tài chính dài hạn	**250**	**5.13**	**367.531.602.728**	**335.883.400.358**
1. Đầu tư vào công ty con	251		125.909.570.941	84.381.039.765
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		182.217.871.862	190.803.200.668
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		66.003.697.104	66.003.697.104
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	254		(6.599.537.179)	(5.304.537.179)
VI. Tài sản dài hạn khác	**260**		**138.014.999.641**	**138.905.605.602**
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.10	138.014.999.641	138.905.605.602
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	**270**		**2.937.522.185.987**	**3.002.781.507.247**

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG **Mẫu số B 01– DN**
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021
(tiếp theo) *Đơn vị tính: VND*

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2021	01/01/2021
C. NỢ PHẢI TRẢ	**300**		**651.329.884.757**	**718.171.726.529**
I. Nợ ngắn hạn	**310**		**254.812.507.970**	**261.110.955.974**
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.14	8.836.266.038	16.747.811.536
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.15	2.602.387.323	7.674.299.509
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.16	949.760.346	1.266.064.464
4. Phải trả người lao động	314		2.953.480.722	4.121.493.718
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.18	6.688.217.889	6.333.095.822
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	5.19	5.374.722.466	6.513.587.641
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.17	56.091.250.253	57.030.478.728
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.20	169.457.890.516	159.587.334.949
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		1.858.532.417	1.836.789.607
II. Nợ dài hạn	**330**		**396.517.376.787**	**457.060.770.555**
1. Người mua trả tiền trước dài hạn	332	5.15	55.699.264.705	56.067.446.523
2. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	5.19	58.936.937.637	61.453.839.705
3. Phải trả dài hạn khác	337	5.17	13.048.819.995	10.899.050.287
4. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.20	268.832.354.450	328.640.434.040
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	**400**		**2.286.192.301.230**	**2.284.609.780.718**
I. Vốn chủ sở hữu	**410**	**5.21**	2.286.192.301.230	2.284.609.780.718
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		2.200.000.000.000	2.200.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	*411a*		*2.200.000.000.000*	*2.200.000.000.000*
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		71.428.267	71.428.267
3. Cổ phiếu quỹ (*)	415		(529.920.000)	(529.920.000)
4. Quỹ đầu tư phát triển	418		33.381.940.928	33.381.940.928
5. Lợi nhuận chưa phân phối	421		53.268.852.035	51.686.331.523
- LNST chưa phân phối lũy kế năm trước	*421a*		*51.446.748.254*	*39.707.168.071*
- LNST chưa phân phối kỳ này	*421b*		*1.822.103.781*	*11.979.163.452*
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	**440**		**2.937.522.185.987**	**3.002.781.507.247**

Hà Nội, ngày 31 tháng 03 năm 2022

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
NGUYỄN THU HẰNG	DƯƠNG THỊ LAM	VŨ THANH SƠN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG

Mẫu số B 02 – DN

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2021

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2021	Năm 2020
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	**01**	**6.1**	**539.058.735.201**	**906.072.189.118**
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	6.2	50.201.051	6.468.189.548
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	**10**		**539.008.534.150**	**899.603.999.570**
4. Giá vốn hàng bán	**11**	**6.3**	**444.964.377.691**	**784.011.345.105**
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	**20**		**94.044.156.459**	**115.592.654.465**
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.4	76.115.958.623	87.478.073.269
7. Chi phí tài chính	22	6.5	46.748.514.413	52.815.187.729
- Trong đó: Chi phí lãi vay	*23*		*43.906.172.439*	*45.748.187.328*
8. Chi phí bán hàng	25	6.8	40.113.301.922	52.777.160.932
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.8	81.330.304.487	88.407.746.928
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	**30**		**1.967.994.260**	**9.070.632.145**
11. Thu nhập khác	31	6.6	1.592.404.831	3.437.517.180
12. Chi phí khác	32	6.7	1.574.793.877	283.308.281
13. Lợi nhuận khác	**40**		**17.610.954**	**3.154.208.899**
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	**50**		**1.985.605.214**	**12.224.841.044**
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.10	163.501.433	245.677.592
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN	**60**		**1.822.103.781**	**11.979.163.452**

Hà Nội, ngày 31 tháng 03 năm 2022

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
NGUYỄN THU HÀNG	DƯƠNG THỊ LAM	VŨ THANH SƠN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG

Mẫu số B 03 – DN

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2021

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2021	Năm 2020
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	**01**		***1.985.605.214***	***12.224.841.044***
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao tài sản cố định	02		25.576.453.044	26.394.483.842
- Các khoản dự phòng	03		1.479.336.628	1.045.776.190
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		63.503.003	583.375.885
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(73.151.559.572)	(80.264.751.363)
- Chi phí lãi vay	06		43.906.172.439	45.748.187.328
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	***08***		***(140.489.244)***	***5.731.912.926***
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		39.111.529.776	113.431.323.422
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		21.806.270.275	14.519.069.764
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(15.643.923.131)	(75.528.516.968)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		1.230.687.937	(18.671.063.772)
- Tiền lãi vay đã trả	14		(46.887.389.246)	(43.004.544.411)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(195.793.088)	(22.876.104.853)
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(217.840.459)	(16.586.535.188)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	**20**		***(936.947.180)***	***(42.984.459.080)***
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(42.997.300.864)	(36.783.614.258)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		743.181.817	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(149.000.000.000)	(508.684.957.549)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		237.000.000.000	496.765.077.118
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(8.042.690.000)	(24.185.000.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		12.230.480.000	199.207.346.334
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		29.058.346.984	34.972.974.728
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	***30***		***78.992.017.937***	***161.291.826.373***

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG (tiếp theo) **Mẫu số B 03 – DN**

Theo phương pháp gián tiếp

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2021

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2021	Năm 2020
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	(529.920.000)
1. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		314.481.574.085	1.333.064.411.547
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(364.419.098.108)	(1.501.607.464.933)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	(43.975.048.800)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	**40**		***(49.937.524.023)***	***(213.048.022.186)***
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	**50**		**28.117.546.734**	**(94.740.654.893)**
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	**60**		**15.698.280.983**	**110.308.729.126**
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		51.234.820	130.206.750
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	**70**		**43.867.062.537**	**15.698.280.983**

Hà Nội, ngày 31 tháng 03 năm 2022

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
NGUYỄN THU HẰNG	DƯƠNG THỊ LAM	VŨ THANH SƠN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Mẫu số B 01 – DN/HN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2021	01/01/2021
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	**100**		**1.072.797.656.608**	**1.156.009.326.901**
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	**110**	**5.1**	**55.469.027.028**	**17.832.797.445**
1. Tiền	111		41.983.853.947	17.364.780.235
2. Các khoản tương đương tiền	112		13.485.173.081	468.017.210
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	**120**	**5.14**	**-**	**151.000.000.000**
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	151.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	**130**		**944.684.597.613**	**905.308.638.726**
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.2	238.419.441.338	247.718.502.444
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.3	353.442.824.070	366.055.425.266
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	5.4	242.655.622.067	180.655.622.067
4. Các khoản phải thu khác	136	5.7	106.566.414.405	107.094.456.588
5. Dự phòng phải thu khó đòi	137	5.5	(2.909.885.904)	(2.725.549.276)
6. Tài sản thiếu chờ xử lý	139	5.8	6.510.181.637	6.510.181.637
IV. Hàng tồn kho	**140**	**5.6**	**37.274.474.787**	**46.455.204.791**
1. Hàng tồn kho	141		37.274.474.787	46.992.677.619
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	(537.472.828)
V. Tài sản ngắn hạn khác	**150**		**35.369.557.180**	**35.412.685.939**
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.9	19.318.686.877	19.703.985.143
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		15.337.865.041	15.118.163.752
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	5.19	713.005.262	590.537.044
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	**200**		**1.952.792.239.824**	**1.907.126.247.991**
I. Các khoản phải thu dài hạn	**210**		**10.302.350.311**	**11.482.521.511**
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211	5.2	9.203.258.828	9.255.830.028
2. Phải thu dài hạn khác	216	5.7	1.195.426.865	2.323.026.865
3. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219	5.5	(96.335.382)	(96.335.382)
II. Tài sản cố định	**220**		**577.369.288.878**	**564.610.854.451**
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.12	530.596.534.409	517.512.432.178
- Nguyên giá	*222*		*765.479.551.397*	*733.825.594.120*
- Giá trị hao mòn lũy kế	*223*		*(234.883.016.988)*	*(216.313.161.942)*
2. Tài sản cố định vô hình	227	5.13	46.772.754.469	47.098.422.273
- Nguyên giá	*228*		*49.827.523.114*	*49.827.523.114*
- Giá trị hao mòn lũy kế	*229*		*(3.054.768.645)*	*(2.729.100.841)*
III. Bất động sản đầu tư	**230**	**5.11**	**105.527.918.731**	**109.201.754.263**
- Nguyên giá	*231*		*131.527.016.822*	*131.527.016.822*
- Giá trị hao mòn lũy kế	*232*		*(25.999.098.091)*	*(22.325.262.559)*

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT **Mẫu số B 01 – DN/HN**
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

(tiếp theo) *Đơn vị tính: VND*

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2021	01/01/2021
IV. Tài sản dở dang dài hạn	**240**		**733.216.261.678**	**709.705.915.450**
1. Chi phí SXKD dở dang dài hạn	241	5.10	466.315.603.794	462.822.951.772
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	5.10	266.900.657.884	246.882.963.678
V. Đầu tư tài chính dài hạn	**250**	**5.14**	**227.927.641.616**	**239.168.186.147**
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		162.918.944.512	172.864.489.043
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		66.303.697.104	66.303.697.104
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	254		(1.295.000.000)	-
VI. Tài sản dài hạn khác	**260**		**298.448.778.610**	**272.957.016.169**
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.9	256.853.057.825	258.403.080.577
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	5.19	-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
2. Lợi thế thương mại	269		41.595.720.785	14.553.935.592
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	**270**		**3.025.589.896.432**	**3.063.135.574.892**

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT **Mẫu số B 01 – DN/HN**
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021
(tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2021	01/01/2021
C. NỢ PHẢI TRẢ	**300**		**748.949.443.296**	**783.296.988.951**
I. Nợ ngắn hạn	**310**		**346.511.718.637**	**319.279.463.088**
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.15	32.131.759.960	40.459.033.232
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.16	14.262.235.867	9.597.236.559
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.19	1.653.472.726	2.265.039.162
4. Phải trả người lao động	314		4.596.189.531	5.341.738.500
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.17	6.688.217.889	6.333.095.822
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	5.18	5.574.722.466	6.743.287.641
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.20	63.138.339.649	63.669.831.533
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.21	216.150.172.805	182.572.235.705
9. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		396.524.003	396.524.003
10. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		1.920.083.741	1.901.440.931
II. Nợ dài hạn	**330**		**402.437.724.659**	**464.017.525.863**
1. Người mua trả tiền trước dài hạn	332	5.16	55.699.264.705	56.067.446.523
2. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	5.18	58.936.937.637	61.453.839.705
3. Phải trả dài hạn khác	337	5.20	13.195.319.995	10.971.050.287
4. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.21	274.569.198.912	334.427.278.502
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		37.003.410	1.097.910.846
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	**400**		**2.276.640.453.136**	**2.279.838.585.941**
I. Vốn chủ sở hữu	**410**	**5.22**	**2.276.640.453.136**	**2.279.838.585.941**
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		2.200.000.000.000	2.200.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	*411a*		*2.200.000.000.000*	*2.200.000.000.000*
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		315.664.802	315.664.802
3. Cổ phiếu quỹ (*)	415		(529.920.000)	(529.920.000)
4. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		16.834.960.235	16.834.960.235
5. Quỹ đầu tư phát triển	418		33.437.085.252	33.437.085.252
6. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		27.572.162	27.572.162
7. Lợi nhuận chưa phân phối	421		6.157.870.018	10.537.593.042
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	*421a*		*5.168.069.319*	*7.961.280.487*
- LNST chưa phân phối kỳ này	*421b*		*989.800.699*	*2.576.312.555*
8. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		20.397.220.667	19.215.630.448
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	**440**		**3.025.589.896.432**	**3.063.135.574.892**

Hà Nội, ngày 31 tháng 03 năm 2022

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
NGUYỄN THU HẰNG	DƯƠNG THỊ LAM	VŨ THANH SƠN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Mẫu số B 02 – DN/HN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2021	Năm 2020
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	**01**	**6.1**	**618.554.851.916**	**946.942.374.702**
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	6.2	50.201.051	6.468.189.548
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	**10**		**618.504.650.865**	**940.474.185.154**
4. Giá vốn hàng bán	**11**	**6.3**	**530.671.990.284**	**817.401.412.947**
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	**20**		**87.832.660.581**	**123.072.772.207**
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.4	76.209.969.220	89.051.687.983
7. Chi phí tài chính	22	6.5	48.114.605.067	53.937.098.922
- Trong đó: Chi phí lãi vay	*23*		*45.269.185.910*	*46.837.579.161*
8. Lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		*4.014.569.521*	(6.891.765.530)
9. Chi phí bán hàng	25	6.8	49.157.205.780	61.506.324.973
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.8	89.312.831.539	93.921.109.767
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	**30**		**(18.527.443.064)**	**(4.131.839.002)**
12. Thu nhập khác	31	6.6	20.041.081.012	5.735.981.083
13. Chi phí khác	32	6.7	3.139.989.657	1.357.456.055
14. Lợi nhuận khác	**40**		**16.901.091.355**	**4.378.525.028**
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	**50**		**(1.626.351.709)**	**246.686.026**
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.10	221.793.124	260.222.108
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	37.003.411
18. Lợi nhuận sau thuế TNDN	**60**		**(1.848.144.833)**	**(50.539.493)**
19. Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ	61		989.800.699	2.181.974.071
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		(2.837.945.532)	(2.232.513.564)
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	6.11	4,50	9,92
22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	6.11	4,50	9,92

Hà Nội, ngày 31 tháng 03 năm 2022

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
NGUYỄN THU HẰNG	DƯƠNG THỊ LAM	VŨ THANH SƠN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Mẫu số B 03 – DN/HN

Theo phương pháp gián tiếp

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2021	Năm 2020
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	**01**		***(1.626.351.709)***	***246.686.026***
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao tài sản cố định	02		29.464.026.627	27.984.737.626
- Các khoản dự phòng	03		941.863.800	1.701.997.787
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		63.503.003	588.120.260
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(74.586.576.113)	(73.521.193.861)
- Chi phí lãi vay	06		45.269.185.910	46.837.579.161
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	(1.401.026.599)
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	***08***		***(474.348.482)***	***2.436.900.400***
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		72.358.123.630	114.514.958.992
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		9.718.202.832	19.160.836.704
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(29.412.646.022)	(77.729.721.619)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(28.899.412.613)	(14.983.193.378)
- Tiền lãi vay đã trả	14		(47.213.941.313)	(44.093.936.244)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		284.764.356	(22.903.862.374)
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(217.840.459)	(16.586.535.188)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	**20**		***(23.857.098.071)***	***(40.184.552.707)***
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(42.997.300.864)	(36.783.614.259)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		1.395.854.488	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(149.000.000.000)	(507.466.353.254)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		237.000.000.000	497.065.077.118
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	(17.724.687.364)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		12.230.480.000	198.161.572.508
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		29.093.201.700	35.121.182.756
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	***30***		***87.722.235.324***	***168.373.177.505***

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (tiếp theo)

Mẫu số B 03– DN/HN

Theo phương pháp gián tiếp

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2021	Năm 2020
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	(529.920.000)
2. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		409.221.182.755	1.376.445.366.688
3. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(435.501.325.245)	(1.554.038.721.000)
4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	(43.975.048.800)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	**40**		***(26.280.142.490)***	***(222.098.323.112)***
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	**50**		**37.584.994.763**	**(93.909.698.314)**
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	**60**		**17.832.797.445**	**111.600.373.229**
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		51.234.820	142.122.530
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	**70**		**55.469.027.028**	**17.832.797.445**

Hà Nội, ngày 31 tháng 03 năm 2022

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
NGUYỄN THU HẰNG	DƯƠNG THỊ LAM	VŨ THANH SƠN

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI
HÀ NỘI – CÔNG TY CỔ PHẦN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NA
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 14 tháng 4 năm 2022

BÁO CÁO QUẢN TRỊ VÀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2021, KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2022

Kính thưa: Đại hội đồng cổ đông Tổng công ty Thương mại Hà Nội – Công ty cổ phần

Hội đồng quản trị ("**HĐQT**") Tổng công ty Thương mại Hà Nội – Công ty cổ phần ("**Hapro/Tổng Công ty/TCT**") xin trân trọng báo cáo với Đại hội đồng cổ đông ("**ĐHĐCĐ**") về quản trị và kết quả hoạt động của HĐQT năm 2021 và kế hoạch hoạt động của HĐQT năm 2022, cụ thể như sau:

I. THÀNH PHẦN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Thành viên HĐQT của Tổng Công ty hiện nay gồm 04 thành viên:

1. Ông Nguyễn Thái Dũng : Chủ tịch Hội đồng quản trị
2. Ông Trần Anh Tuấn : Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị
3. Bà Trần Thị Tuyết Nhung : Thành viên Hội đồng quản trị
4. Ông Vũ Thanh Sơn : Thành viên Hội đồng quản trị

(Do trong năm 2021 bà Khúc Thị Quỳnh Lâm - Thành viên Hội đồng quản trị có đơn từ nhiệm kể từ ngày 27/05/2021).

II. BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT NĂM 2021

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty năm 2021

Năm tài chính 2021 là một năm có rất nhiều khó khăn, đặc biệt là đại dịch covid -19 kéo dài, diễn biến phức tạp đã ảnh hưởng lớn tới kinh tế Thế giới nói chung, kinh tế Việt Nam và hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty nói riêng, trong đó hoạt động xuất khẩu là ngành nghề ảnh hưởng nghiêm trọng nhất. Hội đồng quản trị đã song hành, hỗ trợ, cùng Ban Điều hành nỗ lực để từng bước khắc phục khó khăn, nghiêm túc tổ chức triển khai thực hiện mọi mặt hoạt động.

Tuy nhiên, do ảnh hưởng lớn từ đại dịch covid – 19, kết quả sản xuất kinh doanh năm 2021 không đạt được kế hoạch đề ra, cụ thể như sau:

TT	Các chỉ tiêu chính	Thực hiện 2020	Kế hoạch năm 2021	Thực hiện năm 2021	So sánh (%)	
					KH 2021	2020
1	Kim ngạch XK *(triệu USD)*	25,21	33,20	10,44	31%	41%
2	Doanh thu bán hàng và CCDV *(tỷ đồng)*	906	1.109,68	539	49%	59%
3	Lợi nhuận trước thuế *(tỷ đồng)*	12,22	38,45	1,99	5%	16%

2. Các hoạt động của Hội đồng quản trị Tổng công ty:

- HĐQT hoạt động theo đúng quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ Tổng Công ty, thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn để duy trì sự ổn định và phát của Tổng Công Ty.

- Hội đồng Quản trị đã tổ chức các cuộc họp định kỳ hoặc lấy ý kiến thành viên HĐQT bằng văn bản để thông qua các vấn đề thuộc thẩm quyền. Tất cả các cuộc họp của Hội đồng quản trị hoặc lấy ý kiến thành viên HĐQT bằng văn bản đều được thực hiện đúng trình tự, thủ tục. Việc thảo luận, biểu quyết được thực hiện theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công Ty.

Đối với các nội dung cần thảo luận tại cuộc họp, Chủ tịch HĐQT phân công nhiệm vụ cho các thành viên HĐQT phụ trách các mảng hoạt động của Công Ty xây dựng, rà soát, thẩm định nội dung họp để đưa vào thảo luận và biểu quyết thông qua trước khi tiến hành tổ chức cuộc họp.

- Tại các cuộc họp HĐQT, các thành viên HĐQT tham dự đầy đủ và xây dựng ý kiến nghiêm túc, hiệu quả, trên cơ sở đó, HĐQT đưa ra các quyết sách, định hướng, hoạch định các chiến lược trong sản xuất, kinh doanh gắn với tình hình thực tiễn. Các phiên họp HĐQT mở rộng đều có sự tham dự của Ban điều hành và các cán bộ chủ chốt trong Công Ty. Các quyết định thông qua tại phiên họp đều nhận được sự thống nhất cao của các thành viên HĐQT. Năm 2021, HĐQT đã thảo luận và thông qua các nội dung trọng yếu như sau:

- Triệu tập và tổ chức thành công cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2021.
- Kiện toàn nhân sự cấp cao của Tổng Công ty: miễn nhiệm ông Đinh Tiến Thành Phó Tổng Giám đốc Tổng Công ty kể từ ngày 16/09/2021.
- Để nâng cao hiệu quả các dự án đầu tư, HĐQT đã thông qua việc kiện toàn cơ cấu tổ chức của Ban Đầu tư và Phát triển Dự án để phù hợp với tình hình thực tế tại Tổng Công ty.

- Quyết định lựa chọn Công ty TNHH PKF Việt Nam là đơn vị thực hiện việc kiểm toán Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2021 của Tổng Công ty.
- Thông qua việc thay đổi nhân sự đại diện vốn của Tổng Công ty tại một số công ty con, công ty liên doanh, liên kết.
- Các vấn đề khác thuộc thẩm quyền.

- Trong năm 2021, Tổng Công ty thực hiện việc công bố thông tin, báo cáo quản trị, báo cáo thường niên theo đúng quy định, đảm bảo các thông tin hoạt động đều được công khai, minh bạch, bảo vệ quyền lợi của Tổng Công ty và các cổ đông.

4. Thù lao và các lợi ích khác của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát:

Thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021, Tổng Công ty đã triển khai chi trả thù lao cho các thành viên Hội đồng quản trị như sau:

Tổng thù lao của HĐQT, thư ký HĐQT đã bao gồm thuế TNCN năm 2021 là **999.000.000 đồng** (đã bao gồm thuế TNCN, gồm 12 tháng và 01 tháng thù lao nhân dịp tết nguyên đán), trong đó:

- Chủ tịch HĐQT: 20.000.000 đồng /tháng.

- Phó Chủ tịch HĐQT: 10.000.000 đồng/tháng.

- Thành viên HĐQT: 10.000.000 đồng/người/tháng.

- Thư ký HĐQT: 3.000.000 đồng/tháng.

5. Kết quả giám sát của HĐQT đối với Ban Điều hành

- Năm 2021, Hội đồng quản trị thực hiện nghiêm túc việc chỉ đạo, giám sát đồng thời song hành trong các hoạt động của Ban Điều hành. Nhằm đảm bảo hoạt động sản xuất kinh doanh của Công Ty không bị gián đoạn và tuân thủ đúng quy định của pháp luật, Điều lệ, các quy chế nội bộ của Công Ty, đối với các cuộc họp liên quan đến hoạch định chính sách, triển khai kế hoạch sản xuất kinh doanh, HĐQT đã cử đại diện tham dự nhằm đưa ra quyết định, giải pháp giải quyết các vướng mắc của Ban Điều hành.

- Qua quá trình triển khai nhiệm vụ, thực hiện chức năng điều hành hoạt động của Công Ty theo đúng quy định của pháp luật, Điều lệ Công Ty và các Nghị quyết Hội đồng quản trị, Đại hội đồng cổ đông, Ban Điều hành luôn bám sát Nghị quyết, các chỉ tiêu kế hoạch do Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị giao; Thực hiện chức năng, nhiệm vụ trong phạm vi quyền hạn được giao. Tổng giám đốc thường xuyên báo cáo Hội đồng quản trị về tình hình kinh doanh của Công Ty và các phương án hoạt động, cơ cấu tổ chức hoạt động của Công Ty.

- Ban Điều hành, các cán bộ quản lý và các bộ phận, phòng, ban trong Tổng Công ty đã nỗ lực để thực hiện kế hoạch kinh doanh 2021 đề ra, tuy nhiên do ảnh hưởng lớn từ đại dịch covid – 19 trên toàn cầu, kết quả kinh doanh mặc dù có lãi nhưng không đạt kế hoạch đề ra. Với tình hình kinh tế thế giới còn tiếp tục khó khăn do dịch Covid-19, tuy nhiên có thể sẽ diễn biến tích cực từ quý 2 năm 2022 trở đi, trong điều kiện các doanh nghiệp đang nỗ lực để vực dậy sau khó khăn và đón đầu những cơ hội mới, Ban Điều hành Tổng Công ty cần phải nỗ lực tối đa để đảm bảo hoạt động sản xuất kinh doanh an toàn, hiệu quả, tái cơ cấu và đẩy mạnh hoạt động xuất khẩu theo hướng tinh giản, tập trung.

III. KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG NĂM 2021:

1. Triển khai thực hiện kế hoạch kinh doanh năm 2022

Hội đồng quản trị đã chỉ đạo quyết liệt việc rà soát đánh giá hiệu quả kinh doanh tới từng đơn vị trực thuộc, xây dựng kế hoạch kinh doanh năm 2022 có tính phát triển trên cơ sở trọng tâm là chỉ tiêu lợi nhuận và phát triển theo những mảng kinh doanh lớn có tính truyền thống của Hapro. Số liệu kinh doanh 2022 xây dựng cụ thể như sau:

- Doanh thu BH&CCDV : 821,7 tỷ đồng
- Kim ngạch XK : 17,22 triệu USD
- Lợi nhuận trước thuế : 29,94 tỷ đồng.

2. Kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị trong năm 2022:

- Chỉ đạo Ban Điều hành thúc đẩy hoạt động kinh doanh xuất khẩu. Triển khai tái cơ cấu hoạt động xuất khẩu của Tổng công ty theo hướng tinh gọn, hiệu quả, tập trung.

- Chỉ đạo Ban điều hành duy trì và đẩy mạnh các hoạt động kinh doanh thương mại nội địa, nâng cao hiệu quả kinh doanh, rà soát xây dựng mô hình kinh doanh phát triển theo chuỗi trên cơ sở hệ thống địa điểm kinh doanh và lĩnh vực kinh doanh chính Tổng Công ty đang thực hiện.

- Tiếp tục triển khai các Dự án đầu tư cũng như rà soát các dự án đang dở dang để có phương án nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động đầu tư của Tổng Công ty.

- Rà soát các địa điểm mạng lưới để có phương án đầu tư xây dựng các địa điểm kinh doanh của Tổng công ty tại địa bàn TP Hà Nội.

- Triển khai thực hiện tốt các Nghị quyết đã được ĐHĐCĐ giao.

- Chỉ đạo Ban Điều hành nghiêm túc triển khai thực hiện các nghị quyết, quyết định của HĐQT và ĐHĐCĐ.

Trên đây là nội dung báo cáo về hoạt động của HĐQT Tổng công ty Thương mại Hà Nội – Công ty cổ phần, kính trình ĐHĐCĐ xem xét, thông qua.

Hội đồng quản trị Công Ty xin chân thành cảm ơn sự ủng hộ của các Quý cổ đông, sự nỗ lực cố gắng của Ban Điều hành, cán bộ quản lý và toàn thể cán bộ nhân viên, sự hỗ trợ của các cơ quan ban ngành để Công Ty có được những kết quả trên. Kính chúc các quý cổ đông mạnh khỏe và Đại hội đồng cổ đông thường niên 2022 của Tổng Công ty Thương mại Hà Nội – Công ty Cổ phần thành công tốt đẹp.

Xin trân trọng cảm ơn.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

NGUYỄN THÁI DŨNG

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI HÀ NỘI – CÔNG TY CỔ PHẦN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Tài liệu phục vụ ĐHĐCĐ thường niên 2022

Hà Nội, ngày 14 tháng 6 năm 2022

BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT

Trình Đại hội Cổ đông thường niên năm 2022

Kính thưa: Đại hội đồng cổ đông Tổng Công ty Thương mại Hà Nội – CTCP

- *Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020;*
- *Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng Công ty Thương Mại Hà Nội - CTCP;*
- *Căn cứ quyền hạn và trách nhiệm của Ban Kiểm Soát được quy định trong Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Tổng Công ty Thương Mại Hà Nội - CTCP;*
- *Căn cứ tình hình hoạt động của Tổng Công ty Thương Mại Hà Nội - CTCP, Báo cáo của Hội đồng Quản trị, Ban Điều hành và tình hình hoạt động của Ban Kiểm Soát trong năm 2021;*
- *Căn cứ Báo cáo tài chính năm 2021 của Tổng Công ty cho kỳ hoạt động từ 01/01/2021 đến 31/12/2021 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH PKF Việt Nam.*

Ban Kiểm Soát Tổng Công ty Thương mại Hà Nội – CTCP ("Tổng Công ty") xin trân trọng báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông ("ĐHĐCĐ") những nội dung chính sau:

I. HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2021

1. Các cuộc họp và hoạt động của Ban Kiểm soát năm 2021:

Ban Kiểm soát đã tổ chức các cuộc họp để thực hiện các nhiệm vụ được quy định tại Điều lệ Tổng Công ty, bao gồm các nội dung chính sau:

- Giám sát việc thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2021;
- Giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban Điều hành;
- Giám sát việc tuân thủ quy định pháp luật Nhà nước;
- Rà soát tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh định kỳ tại Tổng Công ty theo chương trình làm việc của Ban Kiểm Soát;
- Thực hiện thẩm định Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách, Báo cáo tài chính, Báo cáo quản trị của Tổng Công ty, đưa ra ý kiến đóng góp để Tổng Công ty khắc phục kịp thời, đảm bảo các báo cáo được lập theo đúng quy định, phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty.
- Công tác kiểm tra, giám sát của các thành viên Ban Kiểm soát được thực hiện liên tục, có hệ thống nhằm nắm bắt kịp thời hoạt động của Tổng Công ty để giúp đơn vị phát hiện và khắc phục những tồn tại trong hệ thống quản lý, điều hành và hệ thống kiểm soát nội bộ.

2. Thù lao của Ban Kiểm soát năm 2021:

Ban Kiểm Soát hoạt động gồm có 03 thành viên gồm Trưởng ban và 02 thành viên. Mức thù lao năm 2021 của các Ban Kiểm soát đã được Đại Hội Cổ Đông thông qua, cụ thể:

- Trưởng Ban Kiểm Soát: 10.000.000 đồng/người/tháng
- Thành viên Ban Kiểm Soát : 5.000.000 đồng/người/tháng

II. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2021

1. Tóm tắt tình hình tài chính của Tổng Công ty Thương mại Hà Nội – CTCP (Công ty mẹ) như sau:

(Đơn vị: tỷ đồng)

STT	Chỉ tiêu	31/12/2021	1/1/2021	Chênh lệch	% Biến động
		(1)	(2)	(3)=(1)-(2)	(4)=(3)/(2)
A	**Tổng tài sản**	**2,937.52**	**3,002.78**	**(65.26)**	**(2.17%)**
1	Tài sản ngắn hạn	1,035.20	1,148.71	(113.51)	(9.88%)
2	Tài sản dài hạn	1,902.32	1,854.07	48.25	2.60%)
B	**Tổng nguồn vốn**	**2,937.52**	**3,002.78**	**(65.26)**	**(2.17%)**
1	Nợ phải trả	651.33	718.17	(66.84)	(9.31%)
2	Nguồn vốn chủ sở hữu	2,286.19	2,284.61	1.58	0.07%)

Tổng tài sản của công ty tại 31/12/2021 là 2,937.52 tỷ đồng, giảm so với đầu năm là 65.26 tỷ đồng; tại 31/12/2021 số dư của Tài sản ngắn hạn là 1,035.20 tỷ đồng giảm 113.51 tỷ đồng so với đầu năm, Tài sản dài hạn là 1,902.32 tỷ đồng.

Tổng nguồn vốn của Công ty tại 31/12/2021 là 2,937.52 tỷ đồng, giảm so với đầu năm là 65.26 tỷ đồng; tại 31/12/2021 số dư của Nợ phải trả là 651.33 tỷ đồng giảm 66.84 tỷ đồng so với đầu năm, Vốn chủ sở hữu là 2,286.19 tỷ đồng.

2. Đánh giá kết quả hoạt động kinh doanh 2021 – Công ty mẹ

Đơn vị tính: Tỷ đồng

STT	Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2021	Thực hiện năm 2020	Chênh lệch	% Biến động
		(1)	(2)	(3) = (1)-(2)	(4) = (1)/(2)
1	Kim ngạch xuất khẩu (Triệu USD)	10.22	25.21	(14.99)	40.6%
2	Doanh thu thuần	539.01	899.60	(360.59)	59.9%
3	Lợi nhuận trước thuế	1.99	12.22	(10.23)	16.2%

Kết quả kinh doanh năm 2021 của Tổng Công ty sụt giảm mạnh so với năm 2020. Cụ thể:

- Kim ngạch xuất khẩu năm 2021 là 10.22 triệu USD, bằng 40.6% so với năm trước;
- Doanh thu thuần đạt 539.01 tỷ đồng, bằng 59.9% so với năm trước;
- Lợi nhuận trước thuế 1.99 tỷ đồng, bằng 16.2% lợi nhuận trước thuế năm 2020. Trong đó lợi nhuận của Tổng Công ty chủ yếu đến từ tiền bán cổ phần và tiền cổ tức thu từ các công ty thành viên. Các hoạt động chưa hiệu quả năm 2021 bao gồm XNK, khai thác mạng lưới BĐS, bán buôn bán lẻ và dịch vụ khác.

Nguyên nhân Tổng Công ty không đạt các chỉ tiêu tài chính:

- Từ sau cổ phần hóa, Tổng Công ty luôn xác định mảng kinh doanh xuất khẩu là then chốt trong hoạt động SXKD. Tuy nhiên do khó khăn chung của thị trường thế giới dưới ảnh hưởng của dịch bệnh Covid nên kim ngạch Xuất khẩu của TCT trong năm 2021 có sự suy giảm so với năm 2020 và không đạt kế hoạch.

- Hoạt động khai thác mạng lưới bất động sản của đơn vị trong năm 2021 không đạt kế hoạch do ảnh hưởng của dịch bệnh Covid-19.

3. Tóm tắt tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của Tổng công ty

Đơn vị: Tỷ đồng

STT	Chỉ tiêu	31/12/2021	1/1/2021	Chênh lệch	% Biến động
		(1)	(2)	(3)=(1)-(2)	(4)=(3)/(2)
A	**Tổng tài sản**	**3,025.59**	**3,063.14**	**(37.55)**	**(1.23%)**
1	Tài sản ngắn hạn	1,072.80	1,156.01	(83.21)	(7.20%)
2	Tài sản dài hạn	1,952.79	1,907.13	45.66	2.39%)
B	**Tổng nguồn vốn**	**3,025.59**	**3,063.14**	**(37.55)**	**(1.23%)**
1	Nợ phải trả	748.95	783.30	(34.35)	(4.39%)
2	Nguồn vốn chủ sở hữu	2,276.64	2,279.84	(3.20)	(0.14%)

Tổng tài sản tại ngày 31/12/2021 là 3,025.59 tỷ đồng, giảm so với đầu năm là 37.55 tỷ đồng; tại ngày 31/12/2021 số dư của Tài sản ngắn hạn là 1,072.80 tỷ đồng giảm 83.21 tỷ đồng so với đầu năm, Tài sản dài hạn là 1,952.79 tỷ đồng.

Tổng nguồn vốn tại ngày 31/12/2021 là 3,025.59 tỷ đồng, giảm so với đầu năm là 37.55 tỷ đồng; tại ngày 31/12/2021 số dư của Nợ phải trả là 748.95 tỷ đồng giảm 34.25 tỷ đồng so với đầu năm, Vốn chủ sở hữu là 2,276.64 tỷ đồng.

Đơn vị: Tỷ đồng

STT	Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2021	Thực hiện năm 2020	Chênh lệch	% Biến động
		(1)	(2)	(3)=(1)-(2)	(4)=(3)/(2)
1	Doanh thu thuần từ HĐ SXKD chính	618.50	940.47	(321.97)	(34.23%)
2	Lãi gộp	87.83	123.07	(35.24)	(28.63%)
3	Lợi nhuận trước thuế	(1.63)	0.25	(1.88)	-

So với kết quả kinh doanh năm 2020, chỉ tiêu doanh thu và lợi nhuận gộp giảm mạnh. Nguyên nhân chính là do sự giảm mạnh về doanh thu và lợi nhuận gộp tại công ty mẹ được trình bày tại mục 2, dẫn đến lợi nhuận trước thuế lỗ 1.63 tỷ đồng.

4. Thẩm định Báo cáo tài chính của Công ty và sổ sách kế toán năm 2021

- Báo cáo tài chính của Công ty mẹ - Tổng Công ty, Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2021 đến 31/12/2021 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán PKF với ý kiến kiểm toán ngoại trừ. Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ trên báo cáo tài chính riêng và báo cáo tài chính hợp nhất cụ thể như sau:

"Tại ngày phát hành báo cáo kiểm toán này, chúng tôi chưa nhận được Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 của Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Thương mại Cointra và Liên danh Trung tâm Thương mại Ngã tư sở (đầu tư vào đơn vị khác) để xem xét trích lập dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác (nếu có). Do đó chúng tôi không thể đánh giá được

ảnh hưởng của vấn đề nêu trên đến Báo cáo tài chính riêng/hợp nhất cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2021 của Tổng công ty"

- Việc ghi chép, mở sổ kế toán, phân loại các nội dung kinh tế theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành.

III. TÌNH HÌNH TUÂN THỦ CÁC QUY ĐỊNH CỦA ĐIỀU LỆ CÔNG TY, NGHỊ QUYẾT CỦA ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG VÀ PHÁP LUẬT CỦA NHÀ NƯỚC

Ban Kiểm Soát đánh giá các hoạt động của Tổng Công ty trong năm 2021 tuân thủ theo đúng pháp luật hiện hành. Việc triển khai thực hiện các Nghị quyết của ĐHĐCĐ và HĐQT cũng được giám sát chặt chẽ, đảm bảo đúng quy định đề ra. Trong phạm vi quyền hạn, trách nhiệm của mình, Ban Kiểm Soát đánh giá HĐQT, Ban Tổng Giám Đốc và các phòng ban liên quan đã không để xảy ra vi phạm nào lớn ảnh hưởng đến hoạt động của Tổng Công ty.

IV. KẾT QUẢ GIÁM SÁT ĐỐI VỚI HĐQT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

- Các nghị quyết của HĐQT đã được ban hành tuân thủ thẩm quyền của HĐQT và nội dung của các Nghị quyết này tuân thủ các Nghị quyết của Đại hội Cổ đông, Luật Doanh nghiệp, Điều lệ của Tổng Công ty, và các quy định khác của pháp luật.
- HĐQT tổ chức họp định kỳ và bất thường do Chủ tịch HĐQT chủ trì, thường xuyên mời Ban Kiểm Soát tham gia trong các cuộc họp triển khai thực hiện Nghị quyết của Đại hội Cổ đông; Thảo luận và quyết nghị những vấn đề quan trọng, giải quyết những vướng mắc trong hoạt động kinh doanh.
- Ban Kiểm Soát ghi nhận HĐQT, Ban Tổng Giám đốc đã thực hiện đầy đủ trách nhiệm quản lý của mình tuân thủ đúng Luật Doanh nghiệp, Điều lệ của Công ty, Nghị quyết của Đại hội Cổ đông và các quy định khác của pháp luật.

V. ĐÁNH GIÁ SỰ PHỐI HỢP GIỮA BAN KIỂM SOÁT VỚI HĐQT, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ CÁC CỔ ĐÔNG

Trong năm 2021 Ban Kiểm soát đã nhận được sự phối hợp chặt chẽ của HĐQT, Ban Điều hành, các cán bộ quản lý. Ban Kiểm Soát đã nhận được đầy đủ các thông tin, báo cáo tài liệu cần thiết cho công tác kiểm tra giám sát cũng như cử cán bộ làm việc với Ban Kiểm soát khi có yêu cầu.

VI. KIẾN NGHỊ

- Công ty cần nỗ lực hơn nữa trong công tác hoạt động kinh doanh để đem lại hiệu quả cao hơn, xứng tầm với quy mô và thương hiệu Hapro.
- Tăng cường công tác quản lý, kiểm soát và thu hồi công nợ, đặc biệt là nhóm các công nợ quá hạn để tránh rủi ro thất thoát vốn. Hạn mức dư nợ phải được xây dựng đến từng nhóm/đối tượng khách hàng.
- Hội đồng quản trị và Ban điều hành cần tiếp tục tổ chức lại bộ máy quản lý, nhân sự các phòng ban, chi nhánh theo hướng tinh gọn, hiệu quả.

- Tiếp tục sửa đổi, bổ sung các quy trình, quy định về quản lý, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh, tăng cường công tác kiểm tra, giám sát hoạt động của hệ thống kiểm soát nội bộ nhằm ngăn chặn kịp thời các rủi ro có thể xảy ra theo các kiến nghị, hướng dẫn của Ban kiểm soát đã thực hiện kiểm soát tại các đợt kiểm soát định kỳ trong năm 2021 tại Công ty.

VII. KẾ HOẠCH KIỂM TRA, GIÁM SÁT CỦA BAN KIỂM SOÁT TRONG NĂM 2022

- Giám sát việc chấp hành các quy định pháp luật, Điều lệ của Tổng Công ty, tình hình thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ, tình hình thực hiện các Nghị quyết, quyết định, chỉ thị của Hội Đồng Quản Trị.
- Thực hiện việc kiểm tra, giám sát công tác quản lý điều hành của HĐQT và Ban Tổng Giám Đốc theo quy định của Điều lệ Tổng Công ty.
- Giám sát, đánh giá tình hình triển khai thực hiện kế hoạch kinh doanh, các dự án đầu tư, khai thác tài sản trong năm 2022.
- Thẩm định Báo cáo tài chính hàng quý, năm của Tổng Công ty. Phân tích, đánh giá tình hình tài chính, tình hình quản lý và sử dụng vốn của Tổng Công ty.
- Kiểm tra và đánh giá hiệu lực, hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của Tổng Công ty; Giám sát, kiểm tra việc thực hiện các biện pháp tiết giảm chi phí
- Phối hợp chặt chẽ với HĐQT, Ban Tổng Giám Đốc và các phòng/ban, đơn vị trực thuộc để triển khai, kiểm tra, giám sát hoạt động sản xuất kinh doanh tại Công ty hiệu quả hơn.

Trên đây là nội dung báo cáo về hoạt động của Ban Kiểm Soát Tổng Công ty Thương mại Hà Nội – CTCP. Chúng tôi rất mong tiếp tục nhận được sự hỗ trợ của các Quý Cổ đông, HĐQT cũng như sự hợp tác, phối hợp chặt chẽ của Ban Tổng Giám Đốc và các phòng/ban nghiệp vụ trong Tổng Công ty.

Xin trân trọng cảm ơn!

TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN

M.S.D.N: 0100101273 - C.T.C.P
TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI HÀ NỘI
CÔNG TY CỔ PHẦN
Q. HOÀN KIẾM - TP. HÀ NỘI

NGUYỄN HỒNG HẢI

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI HÀ NỘI – CÔNG TY CỔ PHẦN	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số:..23../2022/TTr-HĐQT	*Hà Nội, ngày 14 tháng 07 năm 2022*

TỜ TRÌNH
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2022

(V/v: thông qua thù lao cho thành viên HĐQT và BKS Tổng Công ty năm 2021 và dự toán thù lao cho thành viên HĐQT, BKS năm 2022)

Kính trình: **ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG**
TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI HÀ NỘI – CÔNG TY CỔ PHẦN

- *Căn cứ Luật Doanh nghiệp 2020;*
- *Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động Tổng Công ty Thương mại Hà Nội - Công ty Cổ phần ("**Tổng Công ty**");*
- *Căn cứ Nghị quyết của Hội đồng quản trị ("**HĐQT**") số 15/2022/NQ-HĐQT ngày 15/03/2022 về kế hoạch tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2022;*
- *Căn cứ kết quả hoạt động SXKD năm 2021 và kế hoạch hoạt động SXKD năm 2022 của Tổng Công ty.*

Hội đồng quản trị Tổng Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua thù lao cho thành viên Hội đồng quản trị ("**HĐQT**"), Ban kiểm soát ("**BKS**") Tổng Công ty năm 2021 và kế hoạch thù lao cho HĐQT, BKS năm 2022 như sau:

I. Thù lao cho thành viên HĐQT, BKS, Thư ký Tổng Công ty năm 2021 (Từ 1/1/2021 đến 31/12/2021 và 01 tháng thù lao nhân dịp Tết Nguyên đán) là: 999.000.000 đồng (đã bao gồm thuế TNCN), cụ thể:

- Tổng thù lao HĐQT năm 2021:	700.000.000 đồng
- Tổng thù lao BKS năm 2021:	260.000.000 đồng
- Tổng thù lao Thư ký HĐQT năm 2021:	39.000.000 đồng

II. Kế hoạch thù lao năm 2022:

1. Hội đồng quản trị:

- Chủ tịch HĐQT:	20.000.000 đồng/tháng.
- Phó chủ tịch HĐQT:	10.000.000 đồng/tháng.
- Thành viên HĐQT:	10.000.000 đồng/người/tháng.
- Thư ký HĐQT:	3.000.000 đồng/tháng.

2. Ban Kiểm soát

- Trưởng BKS:	10.000.000 đồng/tháng
- Thành viên BKS:	5.000.000 đồng/người/tháng

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua.

Nơi nhận:
- *Như trên;*
- *HĐQT, BKS, BTGĐ;*
- *Lưu VT, HĐQT.*

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

M.S.D.N: 0100[illegible]273-C.T.C.P TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI HÀ NỘI - CÔNG TY CỔ PHẦN Q.HOÀN KIẾM - TP.HÀ NỘI

NGUYỄN THÁI DŨNG

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI HÀ NỘI – CÔNG TY CỔ PHẦN	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
----------	Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

Số: 24 /2022/TTr-HĐQT	*Hà Nội, ngày 14 tháng 4 năm 2022*

TỜ TRÌNH
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2022

(V/v: Phân phối lợi nhuận năm 2021)

Kính gửi: **ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG**
TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI HÀ NỘI – CÔNG TY CỔ PHẦN

- *Căn cứ Luật Doanh nghiệp 2020;*
- *Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng Công ty Thương mại Hà Nội – Công ty Cổ phần ("**Tổng Công ty**");*
- *Căn cứ Nghị quyết của Hội đồng quản trị ("**HĐQT**") số 15/2022/NQ-HĐQT ngày 15/03/2022 về kế hoạch tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2022;*
- *Căn cứ Báo cáo tài chính năm 2021 đã được kiểm toán;*

Căn cứ vào kết quả kinh doanh năm 2021 và kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2022, Hội đồng quản trị Tổng Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2021 như sau:

STT	KHOẢN MỤC	SỐ TIỀN (VNĐ)
I	**Tổng lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp**	**1.822.103.781**
II	**Phân phối lợi nhuận**	
	Trích Quỹ Khen thưởng phúc lợi (2% LNST)	**36.442.076**
III	**Chia cổ tức**	**0**
IV	**Lợi nhuận sau thuế còn lại chưa phân phối**	**1.785.661.705**

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua.

Nơi nhận:
- *Như trên;*
- *HĐQT, BKS, BTGĐ;*
- *Lưu VT, HĐQT.*

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

M.S.D.N: 0100101273-C.T.C.P TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI HÀ NỘI CÔNG TY CỔ PHẦN Q.HOÀN KIẾM - T.P HÀ NỘI

NGUYỄN THÁI DŨNG

TỔNG CÔNG TYTHƯƠNG MẠI HÀ NỘI – CÔNG TY CỔ PHẦN	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
----------	**Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc**

Số: 25 /2022/TTr-HĐQT	*Hà Nội, ngày 14 tháng 4 năm 2022*

TỜ TRÌNH
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2022

(V/v: Lựa chọn Công ty kiểm toán thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2022)

Kính gửi: **ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG**
TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI HÀ NỘI – CÔNG TY CỔ PHẦN

- *Căn cứ Luật doanh nghiệp 2020;*
- *Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động Tổng Công ty Thương mại Hà Nội - Công ty Cổ phần ("**Tổng Công ty**");*
- *Căn cứ Nghị quyết của Hội đồng quản trị ("**HĐQT**") số 15/2022/NQ-HĐQT ngày 15/03/2022 về kế hoạch tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2022;*
- *Căn cứ tình hình thực tế của Tổng Công ty,*

Hội đồng quản trị Tổng Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua việc lựa chọn Công ty kiểm toán thực hiện việc kiểm toán báo cáo tài chính năm 2022 của Tổng Công ty như sau:

1. Cơ sở đề xuất lựa chọn công ty kiểm toán:

- Công ty kiểm toán độc lập có uy tín, có các chuyên gia và đội ngũ kiểm toán viên có trình độ cao, nhiều kinh nghiệm kiểm toán các Báo cáo tài chính trong lĩnh vực sản xuất kinh doanh, theo các quy định của các chuẩn mực kế toán (VAS), Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và Chuẩn mực Báo cáo tài chính quốc tế (IFRS);

- Không xung đột về quyền lợi khi thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính cho Tổng Công ty Thương mại Hà Nội – Công ty cổ phần;

- Có đủ điều kiện kiểm toán theo quy định hiện hành.

- Có mức phí phù hợp và đảm bảo nguyên tắc cạnh tranh.

2. Đề xuất của Hội đồng quản trị:

Với các tiêu chí lựa chọn nêu trên, Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua việc ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định việc lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập sau khi có ý kiến của Ban kiểm soát để thực hiện việc kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2022 của Tổng Công ty theo quy định của pháp luật. Giao Người đại diện theo pháp luật của Tổng Công ty ký hợp đồng dịch vụ kiểm toán với công ty kiểm toán được lựa chọn.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua.

Nơi nhận:	**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**
- Như trên;	**CHỦ TỊCH**
- HĐQT, BKS, BTGĐ;	
- Lưu VT, HĐQT.	
	NGUYỄN THÁI DŨNG

TỔNG CÔNG TY **THƯƠNG MẠI HÀ NỘI – CTCP** **---o0o---**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc** **---o0o---**
Số: 26 /2022/TTr-HĐQT	*Hà Nội, ngày 14 tháng 03 năm 2022*

TỜ TRÌNH

(V/v: Miễn nhiệm và bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị)

Kính gửi: **ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG**
TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI HÀ NỘI – CTCP

- *Căn cứ Luật Doanh nghiệp 2020;*
- *Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động Tổng Công ty Thương mại Hà Nội – CTCP ("**Tổng Công ty**")*
- *Căn cứ Đơn từ nhiệm của bà Khúc Thị Quỳnh Lâm - thành viên Hội đồng quản trị Tổng Công ty;*
- *Căn cứ Nghị quyết của Hội đồng quản trị ("**HĐQT**") số 15/2022/NQ-HĐQT ngày 15/03/2022 về kế hoạch tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2022;*
- *Căn cứ tình hình thực tế của Tổng Công ty,*

Căn cứ quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng Công ty, HĐQT Tổng Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua các nội dung sau:

1. Thông qua việc miễn nhiệm chức danh thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2018-2023 đối với bà Khúc Thị Quỳnh Lâm.
2. Thông qua số lượng bầu bổ sung thành viên HĐQT Tổng Công ty cho thời gian còn lại của nhiệm kỳ 2018-2023 thay thế thành viên đã từ nhiệm là 01 thành viên.

   Căn cứ vào hồ sơ ứng cử, đề cử thành viên HĐQT, kính đề nghị Đại hội tiến hành bầu thành viên HĐQT Tổng Công ty nhiệm kỳ 2018 - 2023.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Nơi nhận:
- *Đại hội đồng cổ đông;*
- *CBTT (Website, IDS, CIMS);*
- *HĐQT, BKS, BGĐ;*
- *Lưu VT, HĐQT.*

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

M.S.D.N: 0100101273-C.T.C.P * TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI HÀ NỘI - CÔNG TY CỔ PHẦN * Q.HOÀN KIẾM - TP.HÀ NỘI

NGUYỄN THÁI DŨNG

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI HÀ NỘI – CÔNG TY CỔ PHẦN	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
***	**Độc lập – Tự do - Hạnh phúc**
	*****
Số: ..22/2022/TB-HĐQT	*Hà Nội, ngày 14 tháng 4 năm 2022*

THÔNG BÁO

(Về việc đề cử, ứng cử bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị cho thời gian còn lại của nhiệm kỳ 2018 - 2023)

***Kính gửi*: Quý vị Cổ đông Tổng Công ty Thương mại Hà Nội – Công ty cổ phần**

Hội đồng quản trị (**"HĐQT"**) Tổng Công ty Thương mại Hà Nội – Công ty cổ phần (**"Tổng Công ty"**) đã nhận được Đơn từ nhiệm của 01 thành viên HĐQT. Để đảm bảo cơ cấu HĐQT theo quy định pháp luật và Điều lệ Công ty, HĐQT trân trọng thông báo đến Quý vị cổ đông có quyền dự họp về việc ứng cử, đề cử người có đủ điều kiện trở thành thành viên HĐQT cho thời gian còn lại của nhiệm kỳ 2018-2023 theo các điều kiện, tiêu chuẩn và thủ tục như sau:

I. Số lượng bầu bổ sung thành viên HĐQT cho thời gian còn lại của nhiệm kỳ 2018-2023: 01 (một) thành viên.

II. Điều kiện ứng cử, đề cử tham gia bầu bổ sung thành viên HĐQT cho thời gian còn lại của nhiệm kỳ 2018-2023:

1. Điều kiện trở thành thành viên HĐQT cho thời gian còn lại của nhiệm kỳ 2018-2023:

- Có đủ năng lực hành vi dân sự, không thuộc đối tượng bị cấm quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp;
- Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của Tổng Công ty.
- Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định khác của pháp luật có liên quan và Điều lệ Tổng Công ty.

2. Điều kiện ứng cử, đề cử tham gia bầu bổ sung thành viên HĐQT cho thời gian còn lại của nhiệm kỳ 2018-2023:

Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào HĐQT, cụ thể như sau:

"Các cổ đông phổ thông có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử ứng viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 20% số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 20% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên; từ 70% đến 80% được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên; và từ 80% đến dưới 90% được đề cử tối đa tám (08) ứng viên".

Trường hợp số lượng ứng viên HĐQT thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, HĐQT đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên vào HĐQT. Thủ tục HĐQT đương nhiệm giới thiệu ứng viên HĐQT phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử theo quy định.

IV. Hướng dẫn thủ tục và hồ sơ đề cử, ứng cử tham gia bầu bổ sung thành viên HĐQT cho thời gian còn lại của nhiệm kỳ 2018-2023

Hồ sơ đề cử, ứng cử bầu bổ sung thành viên HĐQT cho thời gian còn lại của nhiệm kỳ 2018-2023 của cổ đông hoặc nhóm cổ đông Tổng Công ty thỏa mãn các điều kiện trên bao gồm:

- Đơn xin ứng cử hoặc đề cử tham gia HĐQT (theo mẫu).
- Sơ yếu lý lịch (theo mẫu).

Hồ sơ nêu trên được lập thành 01 bản chính và gửi chậm nhất 03 (ba) ngày trước ngày khai mạc Đại hội theo địa chỉ sau:

Tổng Công ty Thương mại Hà Nội – Công ty cổ phần
Địa chỉ: Số 38 – 40 Lê Thái Tổ, Phường Hàng Trống, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội
Điện thoại: 024.3826.7984 Fax: 024.3826.7983

Ngoài phong bì cần ghi rõ "Hồ sơ ứng cử/đề cử ứng viên vào HĐQT".

Trân trọng.

Nơi nhận:
- *Như kính gửi;*
- *Lưu: VT, HĐQT*

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

M.S.D.N:0100101273-C.T.C.P TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI HÀ NỘI- CÔNG TY CỔ PHẦN Q.HOÀN KIẾM -TP.HÀ NỘI

Nguyễn Thái Dũng

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ CỬ
ỨNG CỬ VIÊN THAM GIA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI HÀ NỘI – CÔNG TY CỔ PHẦN CHO THỜI GIAN CÒN LẠI CỦA NHIỆM KỲ 2018 - 2023

Kính gửi: **ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG**
TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI HÀ NỘI – CÔNG TY CỔ PHẦN

Tôi/ chúng tôi, cổ đông của Tổng Công ty Thương mại Hà Nội – Công ty cổ phần có tên dưới đây:

Mã số cổ đông	Tên cổ đông	Số cổ phần đang sở hữu tại Tổng Công ty
.....	.....	.....
.....	.....	.....
.....	.....	.....
.....	.....	.....

Theo Thông báo số ...../2022/TB-HĐQT ngày ...../...../2022 về việc đề cử, ứng cử bầu thành viên HĐQT của Tổng Công ty cho thời gian còn lại của nhiệm kỳ 2018 – 2023, bằng đơn này tôi/ chúng tôi xin đề cử những người có tên như sau tham gia bầu thành viên HĐQT của Tổng Công ty tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022:

DANH SÁCH ĐỀ CỬ
THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI HÀ NỘI – CÔNG TY CỔ PHẦN

Stt	Họ và tên	Số CMND/CCCD /Hộ chiếu	Ngày cấp	Nơi cấp	Vị trí đề cử
1.	.....	.....	.....	.....	.....
2.	.....	.....	.....	.....	.....

Tôi/ chúng tôi cam kết người được đề cử nêu trên không vi phạm các quy định của pháp luật và Công ty, đủ điều kiện tham gia HĐQT theo quy định của pháp luật và Tổng Công ty.

Tài liệu gửi kèm:
- Sơ yếu lý lịch của ứng cử viên.

Xin trân trọng cảm ơn ./.

....., ngày ..... tháng ..... năm 2022
Cổ đông ký tên
(Người đại diện pháp nhân ký tên và đóng dấu)[1]

[1] Bao gồm tất cả các cổ đông tham gia đề cử

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

ĐƠN ỨNG CỬ

ỨNG CỬ VIÊN THAM GIA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI HÀ NỘI – CÔNG TY CỔ PHẦN
CHO THỜI GIAN CÒN LẠI CỦA NHIỆM KỲ 2018-2023

Kính gửi: **ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG**
TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI HÀ NỘI – CÔNG TY CỔ PHẦN

Tôi tên là (tổ chức/cá nhân): .....
CMND/CCCD/Hộ chiếu số: ..... Ngày cấp:..... Nơi cấp: .....
Địa chỉ:.....
Trình độ học vấn: ..... Chuyên ngành: .....
Hiện đang sở hữu:..... cổ phần (Bằng chữ:.....)
Tương ứng với tổng mệnh giá là:..... đồng.

Tôi xin ứng cử để tham gia bầu thành viên HĐQT cho thời gian còn lại của nhiệm kỳ 2018-2023 của Tổng Công ty Thương mại Hà Nội – Công ty cổ phần tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022.

Nếu được các cổ đông tín nhiệm bầu trở thành thành viên HĐQT, tôi xin cam kết đem hết năng lực và tâm huyết của bản thân để đóng góp cho sự phát triển của Tổng Công ty.

Tài liệu gửi kèm:

- SYLL của ứng cử viên.

Xin trân trọng cảm ơn./.

....., ngày ..... tháng ..... năm 2022
Cổ đông ký tên
(người đại diện pháp nhân ký tên và đóng dấu)[1]

Ảnh (4x6)

Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

SƠ YẾU LÝ LỊCH

CỦA ỨNG CỬ VIÊN THAM GIA VÀO HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI HÀ NỘI - CÔNG TY CỔ PHẦN

---

1. Họ và tên: .....
2. Giới tính: .....
3. Ngày tháng năm sinh: .....
4. Nơi sinh: .....
5. Quốc tịch: .....
6. CMND/CCCD/hộ chiếu số:.....
7. Dân tộc: .....
8. Quê quán: .....
9. Địa chỉ thường trú: .....
10. Số ĐT liên lạc:.....
11. Trình độ văn hóa: .....
12. Trình độ chuyên môn: .....
13. Quá trình công tác:
    + Từ ..... đến .....
    + Từ ..... đến .....
14. Chức vụ công tác hiện nay tại Hapro: .....
15. Chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức khác:.....
16. Số cổ phiếu nắm giữ: .....
17. Những người liên quan nắm giữ cổ phiếu của Hapro:.....
18. Hành vi vi phạm pháp luật: .....
19. Những khoản nợ đối với Hapro:.....
20. Quyền lợi mâu thuẫn với Hapro: .....

Tôi xin cam đoan những lời khai trên là hoàn toàn đúng sự thật, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền
(chính quyền địa phương hoặc cơ quan nơi cá nhân làm việc)

....., ngày ..... tháng ..... năm 2022
Ứng cử viên